

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TRÀ MY
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: **16/2022/HS-ST**

Ngày 02-8-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TRÀ MY, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đại.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Sơn và ông Trần Văn Thăng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thuận- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trúc Lâm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2022/TLST-HS ngày 25 tháng 5 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1/ Trần Văn T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1987 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn 04, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hoá: 03/12; dân tộc: Cadong; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Tiểu và bà Thanh Thị Liên; vợ tên Phạm Thị Hiêm và 02 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

2/ Đinh Tấn M, sinh ngày 21 tháng 6 năm 1995 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn 04, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Cadong; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Tấn Dũng và bà Hồ Thị Mãi; vợ tên Lê Thị Bích Hợi và 01 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

3/ Trần Ngọc N, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1979 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn 04, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hoá: không biết chữ; dân tộc: Cadong; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Tiểu và bà Thanh Thị Liên; vợ tên Đinh Thị Thu Hai và 01 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

4/ Trần Q, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1991 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn 04, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nông; trình độ văn

hoá: 12/12; dân tộc: Cadong; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng); con ông Trần Minh Phụng và bà Nguyễn Thị Thơm; vợ tên Bùi Thị Hoa và 01 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

5/ Hồ Ngọc H, sinh ngày 20 tháng 7 năm 1960 tại Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn 02, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam; nghề nghiệp: nông; trình độ văn hoá: 05/12; dân tộc: Cadong; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Văn Nươi (chết) và bà Đinh Thị Bôi (đã chết); vợ tên Trần Thị Như Liễu và 02 con; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo* Trần Văn T, Trần Ngọc N, Đinh Tấn M có bà Lê Thị N- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo* Trần Q, Hồ Ngọc H có bà Lê Thị Thanh L- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My;

Người đại diện hợp pháp có ông Hồ Tất T; chức vụ: Phó giám đốc Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

Bà Trần Thị Như L, sinh năm 1975.

Trú quán: thôn 04, xã TG, huyện Bắc Trà My, Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2019, bị cáo Hồ Ngọc H được nhà nước hỗ trợ tiền làm nhà (chương trình xóa nhà tạm), bị cáo Trần Văn T đã liên hệ với bị cáo H để làm nhà gỗ cho bị cáo H. Trong quá trình đi săn thú rừng, bị cáo Trần Văn T bị cáo Đinh Tấn M nhìn thấy trong khu vực rừng phòng hộ là rừng tự nhiên tại tiểu khu 822 thuộc thôn 4, Trà Giác (gọi là rừng Đông Trường Sơn) có một cây gỗ Chò. Lúc đó, bị cáo T nảy sinh ý định khai thác cây gỗ này để làm nhà cho bị cáo H. Sau đó, bị cáo T về nhà báo cho bị cáo H biết và rủ bị cáo Trần Ngọc N và bị cáo Trần Q đi khai thác cây gỗ Chò mà bị cáo T và bị cáo M đã nhìn thấy. Bị cáo T đặt vấn đề làm xác nhà cho bị cáo H với số tiền 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu*) đồng. Bị cáo H thống nhất.

Đến 07h giờ sáng ngày hôm sau (không rõ ngày), vào khoảng cuối tháng 8/2019, bị cáo H đem đồ cúng; bị cáo T và các bị cáo khác đem cưa, xẻng, nhót và một số vật dụng cần thiết cùng đi vào rừng để khai thác cây gỗ chò (có tọa độ X: 545 831; Y: 168 0915- sau đây gọi là cây thứ 01). Đến nơi, bị cáo H bày đồ cúng

để cúng theo tập tục. Bị cáo H cúng xong, bị cáo T và bị cáo M thay phiên nhau cưa hạ cây đang đứng ngã xuống, khi cây ngã xuống các bị cáo rủ nhau uống rượu. Ăn uống xong bị cáo H và bị cáo N đi về trước. Bị cáo T, bị cáo M và bị cáo Q ở lại tiếp tục cưa xẻ.

Đến sáng hôm sau, bị cáo H không đi nữa, bị cáo T và bị cáo M trực tiếp cưa, xẻ đứt thành từng đoạn rồi xẻ gỗ ra thành phẩm làm sườn nhà. Bị cáo Q và bị cáo N phụ cưa (lăn bi, chem gỗ, kê đà), làm trại ăn, ở và vận chuyển gỗ ra khỏi rừng.

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 20/5/2020 thì cây gỗ Chò thứ 01 này thuộc khoảnh 2, tiểu khu 822 (thôn 4, Trà Giác, Bắc Trà My), thuộc nhóm VI, có khối lượng gỗ quy tròn là $7,229\text{m}^3$, có giá trị lâm sản là 31.006.000 đồng và gỗ còn lại tại hiện trường là $3,540\text{m}^3$, có giá trị về lâm sản là 14.405.000 đồng.

Sau khi chặt hạ và cưa xẻ xong cây thứ 01, bị cáo T cùng nhóm tính toán thấy không đủ gỗ để đóng ván nhà cho bị cáo H nên cả nhóm tìm thêm cây gỗ khác để cưa thêm. Việc này cả nhóm không nói cho bị cáo H biết. Cả nhóm đi được một đoạn thì phát hiện một cây gỗ chò đã bị chặt hạ trước (cây thứ 02), cây gỗ còn nguyên vẹn. Lúc này, bị cáo T và bị cáo M tiếp tục cưa xẻ thành 02 đoạn, đoạn 01 dài 2,5m, đoạn 02 dài 2,7m thành phẩm 70 tấm ván, còn bị cáo Q và bị cáo N sắp xếp gỗ lại chặt thành đống.

Theo biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 20/5/2020, cây gỗ này có tọa độ (X: 545.961; Y: 168 0976- sau đây gọi là cây thứ 02), là loại gỗ chò, nhóm VI, có khối lượng gỗ quy tròn là $8,112\text{m}^3$, có giá trị về lâm sản là 36.504.000 đồng; gỗ còn lại hiện trường là $4,754\text{m}^3$, có giá trị là 21.393.000 đồng.

Như vậy, tổng 02 cây gỗ Chò này có khối lượng thiệt hại là $15,341\text{m}^3$, có giá trị là 67.510 000 đồng; Số gỗ còn lại hiện trường là $8,294\text{m}^3$, có giá trị là 35.798.000 đồng, loại rừng phòng hộ là rừng tự nhiên.

Cáo trạng số: 02/CT-VKS ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam truy tố:

Bị cáo Trần Văn T, bị cáo Đinh Tấn M, bị cáo Trần Ngọc N, bị cáo Trần Q về tội: “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo điểm d khoản 2 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hồ Ngọc H phạm vào tội: “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My vẫn giữ nguyên nội dung truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình sự: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự, tuyên bố các bị cáo Trần Văn T, Đinh Tấn M phạm tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Đinh Tấn M từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 232, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật hình sự, tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc N, Trần Q phạm tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc N từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo.

Xử phạt bị cáo Trần Q từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232, các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Hồ Ngọc H phạm tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*.

Xử phạt bị cáo Hồ Ngọc H từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo.

- Về dân sự: Về thiệt hại lâm sản: Đề nghị HĐXX công nhận sự thoả thuận giữa đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự và các bị cáo, cụ thể như sau:

Đối với cây gỗ thứ nhất: Các bị cáo Hồ Ngọc H, Trần Văn T, Đinh Tấn M, Trần Q, Trần Ngọc N phải liên đới bồi thường thiệt hại về lâm sản, sau khi trừ đi số gỗ còn lại tại hiện trường, cụ thể: 31.006.000 đồng - 14.405.000 đồng = 16.601.000 đồng. Chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường thiệt hại về lâm sản là 3.320.200 đồng.

Đối với cây gỗ thứ 02: bị cáo Hồ Ngọc H không biết, không tham gia mà các bị cáo Trần Văn T, Đinh Tấn M, Trần Ngọc N, Trần Q tự khai thác nên phải tự liên đới bồi thường thiệt hại, sau khi trừ đi số gỗ còn lại tại hiện trường, cụ thể: 36.504.000 đồng- 21.393.000 đồng= 15.111.000 đồng, chia phần mỗi bị cáo phải chịu là 3.777.750 đồng.

Như vậy, các bị cáo Trần Văn T, Đinh Tấn M, Trần Ngọc N, Trần Q phải bồi thường thiệt hại về lâm sản đối với 02 cây gỗ khai thác trái phép với số tiền 3.777.750 đồng + 3.320.200 đồng = 7.097.950 đồng. Mỗi bị cáo đã bồi thường được 1.000.000 đồng nên số tiền còn lại các bị cáo phải tiếp tục bồi thường là: 6.097.950 đồng.

Bị cáo Hồ Ngọc H phải bồi thường thiệt hại về lâm sản đối với cây gỗ thứ nhất với số tiền là 3.320.200 đồng. Bị cáo H đã bồi thường được số tiền 1.000.000 đồng nên số tiền còn lại bị cáo H phải tiếp tục bồi thường là 2.320.200 đồng.

- Về vật chứng của vụ án:

+ 01 (một) máy cưa bằng xích (cưa lóc): màu trắng cam, nhãn hiệu STIHL, loại MS 381, tình trạng hư hỏng, không sử dụng được; 01 (một) cái rựa cũ đã qua sử dụng dài 54cm, cán bằng gỗ, hình trụ tròn, đường kính 3cm, có gắn khuy sắt ở phần gắn với lưỡi rựa, cán dài 26cm, lưỡi bằng kim loại dài 28cm, rộng lưỡi 03 cm; 01 (một) cái rựa dài 56cm, cán bằng gỗ, hình trụ tròn, đường kính 3,5cm, có

gắn 2 khay sắt ở phần gắn với lưới rựa. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo Hồ Ngọc H đã trả cho bị cáo Trần Văn T, bị cáo Trần Ngọc N, bị cáo Đinh Tấn M và bị cáo Trần Q. Đây là số tiền có được do hành vi phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

+ Đối với vật chứng là số gỗ 8,294m³ còn lại tại hiện trường, sau khi khám nghiệm Cơ quan CSĐT đã giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My bảo quản.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Ngọc H bà Lê Thị Thanh L đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo H được hưởng án treo.

Đối với bị cáo Trần Q bà Lê Thị Thanh L cho rằng mặc dù bị cáo Trần Q có tham gia cưa xẻ cây gỗ thứ 02 nhưng cây gỗ này đã có người hạ từ trước, có dấu cưa từ dưới lên. Do đó bị cáo Q cùng với các bị cáo khác khai thác một phần thì chỉ chịu trách nhiệm một phần nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm d khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo H được hưởng án treo.

Người bào chữa cho các bị cáo Đinh Tấn M, Trần Văn T, Trần Ngọc N bà Lê Thị N cho rằng mặc dù các bị cáo có tham gia cưa xẻ cây gỗ thứ 02 nhưng cây gỗ này đã có người hạ từ trước, có dấu cưa từ dưới lên; bên cạnh đó đại diện hợp pháp của Nguyên đơn dân sự cho rằng số gỗ còn lại tại hiện trường vẫn bán để thu hồi lại tiền cho nhà nước. Vì vậy, các bị cáo chỉ phải chịu một phần của cây gỗ, không đủ định lượng để cấu thành khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo.

Đồng thời người bào chữa cho các bị cáo đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho các bị cáo, do các bị cáo thuộc diện hộ nghèo, là người đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại về lâm sản, sau khi đã trừ đi số gỗ còn lại tại hiện trường. Về thiệt hại môi trường do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự không định giá được nên đại diện nguyên đơn dân sự không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

Lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Hồ Ngọc H khai nhận: Năm 2019 bị cáo Trần Văn T (là em vợ bị cáo H) đến nhà bị cáo H đặt vấn đề làm xác nhà gỗ cho bị cáo H với giá 20.000.000 đồng (hai mươi triệu) đồng. Bị cáo H đồng ý. Sau khi bị cáo T báo cho bị cáo H đã tìm được cây Chò (có toạ độ X: 545 831; Y: 168 0915) tại tiểu khu 822 thuộc thôn 04, xã TG thì bị cáo H đã lên cúng cây này để cho các bị cáo khai thác làm nhà cho bị cáo H.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn T khai nhận: Đầu năm 2019 khi nghe tin anh vợ là bị cáo Hồ Ngọc H được nhà nước hỗ trợ xóa nhà tạm thì bị cáo đã liên hệ, đặt vấn đề làm xác nhà gỗ cho bị cáo H với giá 20.000.000 đồng. Bị cáo H thống nhất. Khoảng cuối tháng 8/2019, trong một lần đi soi ếch, bị cáo T và bị cáo Đinh Tấn M phát hiện 01 cây gỗ Chò có toạ độ như trên. Bị cáo T về báo cho bị cáo H, bị cáo H và bị cáo T thống nhất khai thác cây gỗ trên để về làm nhà cho bị cáo H. Sau khi thống nhất, bị cáo T rủ thêm bị cáo Đinh Tấn M, bị cáo Trần Ngọc N, bị cáo Trần Q lên vị trí cây gỗ Chò trên để khai thác làm nhà cho bị cáo H với giá 20.000.000 đồng, sau khi làm xong xác nhà gỗ cho bị cáo H thì nhận tiền và chia đều cho các bị cáo. Các bị cáo M, Quốc, Nghĩa đồng ý.

Cuối tháng 8/2019, các bị cáo Trần Văn T, Đinh Tấn M, Trần Ngọc N, Trần Q chuẩn bị nhu yếu phẩm cần thiết; bị cáo Hồ Ngọc H chuẩn bị đồ cúng để lên khu vực tiểu khu 822 thôn 4, xã TG, bị cáo H cúng cây để các bị cáo khai thác cây gỗ Chò (có toạ độ X: 545 831; Y: 168 0915) về làm xác nhà gỗ cho bị cáo H. Bị cáo H cúng theo phong tục địa phương xong thì bị cáo T, bị cáo M hạ cây, còn bị cáo Q, Nghĩa phụ cưa. Đến chiều cùng ngày, bị cáo H và bị cáo N về lại nhà. Sáng hôm sau, bị cáo H ở nhà, còn bị cáo N lên lại địa điểm các bị cáo đang khai thác cây để phụ khai thác. Sau khi khai thác cây gỗ thứ 01 xong, không đủ gỗ làm xác nhà cho bị cáo H nên các bị cáo đi tìm cây gỗ tiếp theo để khai thác. Việc này các bị cáo không báo cho bị cáo H biết. Đi được một đoạn, cách cây thứ 01 tầm 100m, các bị cáo phát hiện cây gỗ Chò thứ 02, có toạ độ (X: 545.961; Y: 168 0976). Cây gỗ Chò này bị người khác cưa hạ trước đó, cây còn nguyên nhưng đã bị người khác xẻ một đường ở giữa, kéo dài từ gốc lên thân cây tầm 10m. Các bị cáo cắt cây gỗ này ra thành 04 khúc, bỏ khúc gốc và ngọn, lấy 02 khúc giữa để xẻ ra thành 70 tấm ván, làm thùng nhà cho bị cáo H.

Với diễn biến như trên, người bào chữa cho bị cáo Hồ Ngọc H và bị cáo Hồ Ngọc H cho rằng bị cáo Hồ Ngọc H chịu trách nhiệm đối với cây gỗ thứ 01, có khối lượng 7,229 m³. Bởi lẽ: Thứ nhất, mục đích của bị cáo H là làm nhà để ở nên không được khai thác cây đã bị cưa hạ trước đó (cây chết), mà phải là cây còn sống và trước khi khai thác cây gỗ thì bị cáo H phải cúng cây, làm đủ thủ tục xin cây theo phong tục địa phương thì mới được phép khai thác. Thứ hai, khi các bị cáo T, Măng, Nghĩa, Quốc khai thác cây gỗ thứ 02 không báo cho bị cáo H biết. Cơ quan có thẩm quyền không chứng minh được bị cáo Hồ Ngọc H biết các bị cáo khai thác cây thứ 02 này. Ý kiến này của người bào chữa cho bị cáo H và bị cáo H có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn T, Đinh Tấn M, Trần Q, Trần Ngọc N và người bào chữa cho các bị cáo này thống nhất về khối lượng cây gỗ thứ 01, có khối lượng 7,229 m³. Tuy nhiên, người bào chữa cho các bị cáo T, Măng, Nghĩa, Quốc và các bị cáo này cho rằng đối với cây gỗ Chò thứ 02, các bị cáo T, Măng, Nghĩa,

Quốc chỉ phải chịu trách nhiệm đối với số gỗ mà các bị cáo xẻ làm ván nhà cho bị cáo H nên không đủ khối lượng để buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự, ý kiến này của các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo là không có cơ sở. Bởi lẽ:

Thứ nhất, mặc dù cây gỗ thứ 02 đã bị cưa hạ trước đó, có bị cưa một đường từ dưới gốc lên thân cây khoảng 10 m nhưng cây gỗ còn nguyên. Các bị cáo đã trực tiếp cưa cây gỗ này làm 04 phần.

Thứ hai, mục đích của các bị cáo tìm cây thứ 02 là để cưa xẻ, lấy gỗ làm đủ xác nhà cho bị cáo H nên các bị cáo cưa xẻ, tận dụng cây gỗ thứ 02 này. Thực tế, các bị cáo đã cưa cây này thành 04 phần, lấy 02 phần ở giữa thân cây xẻ được 70 tấm ván để về làm ván nhà cho bị cáo H. Do đó, các bị cáo Trần Văn T, Đinh Tấn M, Trần Q, Trần Ngọc N phải chịu trách nhiệm toàn bộ khối lượng gỗ của cây thứ 02, với khối lượng $8,122 \text{ m}^3$. Như vậy, các bị cáo Trần Văn T, Đinh Tấn M, Trần Ngọc N, Trần Q phải chịu trách nhiệm hình sự đối với việc khai thác 02 cây gỗ Chò, có khối lượng $7,229 \text{ m}^3 + 8,122 \text{ m}^3 = 15,341 \text{ m}^3$. Hai cây gỗ này là gỗ Chò, nhóm VI, thuộc tiểu khu 822, thôn 4, xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam; loại rừng phòng hộ là rừng tự nhiên.

Với nhận định như trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Trần Văn T, Đinh Tấn M, Trần Ngọc N, Trần Q phạm tội “*Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Hồ Ngọc H phạm tội “*vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*” theo điểm d khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự. Như vậy, bản cáo trạng số: 02/CT-VKS, ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đúng người, đúng tội.

[2] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

Đây là vụ án hình sự có tính chất nghiêm trọng. Các bị cáo nhận thức rõ rừng là tài nguyên quốc gia, không được xâm phạm trái pháp luật. Nhận thức rõ điều này nhưng các bị cáo vẫn khai thác gỗ khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép. Hành vi của các bị cáo gây ra rất nguy hiểm cho xã hội. Trong quá trình lượng hình Hội đồng xét xử cân nhắc vai trò, vị trí của từng bị cáo trong vụ án để đưa ra mức hình phạt tương xứng.

Xét, bị cáo Trần Văn T là người khởi xướng, bị cáo T là người trực tiếp trao đổi việc làm nhà gỗ cho bị cáo H. Khi nghe tin bị cáo H được nhà nước hỗ trợ làm nhà xoá nhà tạm, bị cáo T đã chủ động liên hệ, đề xuất việc làm nhà gỗ cho bị cáo H; đồng thời bị cáo T đã rủ bị cáo Đinh Tấn M, Trần Q và Trần Ngọc N tham gia khai thác cây làm nhà cho bị cáo H. Bị cáo T cũng là người trực tiếp cưa xẻ 02 cây gỗ. Như vậy, bị cáo T vừa là người khởi xướng, vừa là người thực hành tích cực. Bị cáo M, bị cáo N, bị cáo Q là người thực hành, trong đó bị cáo M là người cùng với bị cáo T trực tiếp cưa xẻ các cây gỗ, bị cáo N, bị cáo Q là người phụ cưa, xếp các cây gỗ đã ra quy cách lại một chỗ và vận chuyển gỗ ra khỏi rừng. Do đó, đối với các bị cáo M, Nghĩa, Quốc xử mức án bằng nhau, nhẹ hơn bị cáo T là phù hợp.

Bị cáo H được bị cáo T gợi ý làm nhà gỗ với giá 20.000.000 đồng. Trong điều kiện nhà bị hư hỏng, lại được nhà nước hỗ trợ làm nhà xoá nhà tạm, nếu xây nhà thì không đủ tiền nên khi được bị cáo Trần Văn T gợi ý về việc làm nhà gỗ bị cáo H đã thống nhất, bị cáo H đã chuẩn bị đồ cúng lên cúng một cây thứ 01, bị cáo H không biết các bị cáo khai thác cây thứ 02 nên bị cáo H chịu trách nhiệm đối với cây thứ 01, có khối lượng là 7,229 m³. Bị cáo H bị truy tố theo khoản 1 Điều 232, hơn nữa trong vụ án vai trò của bị cáo Hồ Ngọc H là thứ yếu nên xử bị cáo H mức án nhẹ hơn bị cáo T là phù hợp.

[3] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo thành khẩn khai báo, thực sự hối hận về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã khắc phục một phần hậu quả; các bị cáo có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn là người đồng bào ở vùng sâu vùng xa, gia đình các bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo Hồ Ngọc H ngoài được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trên, còn được áp dụng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Trong vụ án này, bị cáo Trần Văn T là người khởi xướng, cũng là người thực hành tích cực, các bị cáo Đinh Tấn M, Trần Ngọc N, Trần Q là người thực hành tích cực. Các bị cáo trực tiếp tác động 02 cây gỗ có khối lượng 15,341 m³ đã vi phạm điểm d khoản 2 Điều 232 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề xuất áp dụng hình phạt tù, cho hưởng án treo đối với bị cáo Trần Ngọc N, bị cáo Trần Q; người bào chữa cho các bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cho tất cả các bị cáo là chưa phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo Trần Văn T, Đinh Tấn M, Trần Ngọc N, Trần Q ra ngoài xã hội mới có tính giáo dục chung và phòng ngừa riêng. Còn bị cáo Hồ Ngọc H đóng vai trò thứ yếu; bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên chấp nhận đề xuất của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo, không cần cách ly bị cáo H ra ngoài xã hội mà giao cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú, cùng với gia đình giám sát, giáo dục để bị cáo có điều kiện tiếp tục rèn luyện trở thành người công dân tốt.

[4] Về dân sự: Theo quy định của pháp luật thì thiệt hại về rừng do hành vi vi phạm gây ra bao gồm giá trị thiệt hại về lâm sản và giá trị thiệt hại về môi trường của rừng bị thiệt hại.

Đối với giá trị lâm sản bị thiệt hại: Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường thiệt hại về lâm sản, sau khi trừ đi số gỗ còn lại tại hiện trường. Cụ thể:

Đối với cây gỗ thứ nhất: Các bị cáo Hồ Ngọc H, Trần Văn T, Đinh Tấn M, Trần Q, Trần Ngọc N phải liên đới bồi thường thiệt hại với số tiền 16.601.000 đồng (31.006.000 đồng là tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại - 14.405.000 đồng là giá trị lâm sản còn lại tại hiện trường = 16.601.000 đồng). Chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường thiệt hại về lâm sản là 3.320.200 đồng.

Đối với cây gỗ thứ 02: các bị cáo Trần Văn T, Đinh Tấn M, Trần Ngọc N, Trần Q liên đới bồi thường thiệt hại về lâm sản với số tiền là 15.111.000 đồng (36.504.000 đồng là tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại - 21.393.000 đồng là giá trị lâm sản còn lại tại hiện trường = 15.111.000 đồng). Chia phần mỗi bị cáo phải bồi thường thiệt hại về lâm sản là 3.777.750 đồng.

Các bị cáo Trần Văn T, Đinh Tấn M, Trần Ngọc N, Trần Q phải bồi thường thiệt hại về lâm sản đối với cây gỗ thứ 01 và cây gỗ thứ 02, có giá trị là 3.777.750 đ+ 3.320.200 đồng = 7.097.950 đồng. Mỗi bị cáo đã bồi thường được 1.000.000 đồng nên số tiền còn lại các bị cáo phải tiếp tục bồi thường là: 6.097.950 đồng.

Bị cáo Hồ Ngọc H phải bồi thường thiệt hại về lâm sản với số tiền là 3.320.200 đồng. Bị cáo H đã bồi thường được số tiền 1.000.000 đồng nên số tiền còn lại bị cáo H phải tiếp tục bồi thường là 2.320.200 đồng.

Hội đồng xét xử sơ thẩm thấy rằng việc tự nguyện thoả thuận giữa các bị cáo với đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với thiệt hại về môi trường rừng: do Hội đồng định giá tài sản không xác định được giá trị thiệt hại, hiện tại chưa có văn bản hướng dẫn về xác định thiệt hại về môi trường rừng nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không có cơ sở để buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm về thiệt hại về môi trường rừng.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Một máy cưa băng xích (cưa lóc): màu trắng cam nhãn hiệu STIHL, loại MS 381, tình trạng hư hỏng, không sử dụng được; Một cái rựa cũ đã qua sử dụng dài 54cm, cán bằng gỗ, hình trụ tròn, đường kính 3cm, có gắn khuy sắt ở phần gắn với lưỡi rựa, cán dài 26cm, lưỡi bằng kim loại dài 28cm, rộng lưỡi 03 cm; Một cái rựa dài 56cm, cán bằng gỗ, hình trụ tròn, đường kính 3,5cm, có gắn 2 khuy sắt ở phần gắn với lưỡi rựa. Đây là công cụ, phương tiện phạm tội nên cần tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với số tiền 20.000.000 đồng mà bị cáo Hồ Ngọc H đã trả cho Trần Văn T, Trần Ngọc N, Đinh Tấn M và Trần Q. Tại phiên toà các bị cáo khai sau khi nhận tiền các bị cáo chia đều số tiền này, tức là mỗi bị cáo nhận được số tiền 5.000.000 đồng (*năm triệu*) đồng. Đây là số tiền có được do hành vi phạm tội mà có nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với vật chứng là số gỗ 8,294m³ còn lại tại hiện trường, giao cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My xử lý theo quy định.

[6] Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Bà Trần Thị Như Liễu không biết việc giao dịch làm nhà giữa bị cáo Hồ Ngọc H với các bị cáo nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bà Liễu.

[8] Về án phí: Các bị cáo đều là người đồng bào, sinh sống tại khu vực đặc biệt khó khăn nên chấp nhận ý kiến của người bào chữa về án phí, chấp nhận miễn tiền toàn bộ tiền án phí dân sự và hình sự cho các bị cáo.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bắc Trà My, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Trà My, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và tại giai đoạn xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 232; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự tuyên bố các bị cáo Đinh Tấn M, Trần Văn T, Trần Ngọc N, Trần Q phạm tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 09 (chín) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc N 06 (sáu) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Đinh Tấn M 06 (sáu) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo Trần Q 06 (sáu) tháng tù, thời gian thụ hình tính từ ngày đi thi hành án.

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Hồ Ngọc H phạm tội *Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản*.

Xử phạt bị cáo Hồ Ngọc H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai), kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Hồ Ngọc H cho Ủy ban nhân dân xã TG, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về dân sự: áp dụng các Điều 584, 585, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, công nhận sự thỏa thuận giữa đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự và các bị cáo. Cụ thể:

Bị cáo Trần Văn T phải bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My (chủ rừng) số tiền 3.777.750 đ+ 3.320.200 đồng = 7.097.950 đồng (*bảy triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm chín mươi lăm*) đồng. Bị cáo T đã bồi thường được 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 007639 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam nên số tiền còn lại bị cáo T phải tiếp tục bồi thường là: 6.097.950 đồng (*sáu triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm chín mươi lăm*) đồng.

Bị cáo Đinh Tấn M phải bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My (chủ rừng) số tiền 3.777.750 đ+ 3.320.200 đồng = 7.097.950 đồng (*bảy triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm chín mươi lăm*) đồng. Bị cáo M đã bồi thường được 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 007549 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam nên số tiền còn lại bị cáo M phải tiếp tục bồi thường là: 6.097.950 đồng (*sáu triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm chín mươi lăm*) đồng.

Bị cáo Trần Ngọc N phải bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My (chủ rừng) số tiền 3.777.750 đ+ 3.320.200 đồng = 7.097.950 đồng (*bảy triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm chín mươi lăm*) đồng. Bị cáo N đã bồi thường được 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 007638 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam nên số tiền còn lại bị cáo N phải tiếp tục bồi thường là: 6.097.950 đồng (*sáu triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm chín mươi lăm*) đồng.

Bị cáo Trần Q phải bồi thường thiệt hại về lâm sản cho Ban quản lý rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My (chủ rừng) số tiền 3.777.750 đ+ 3.320.200 đồng = 7.097.950 đồng (*bảy triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm chín mươi lăm*) đồng. Bị cáo Q đã bồi thường được 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 007550 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam nên số tiền còn lại bị cáo Q phải tiếp tục bồi thường là: 6.097.950 đồng (*sáu triệu, không trăm chín mươi bảy ngàn, không trăm chín mươi lăm*) đồng.

Bị cáo Hồ Ngọc H phải bồi thường thiệt hại về lâm sản với số tiền là 3.320.200 đồng. Bị cáo H đã bồi thường được số tiền 1.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 007637 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam nên số tiền còn lại bị cáo H phải tiếp tục bồi thường là 2.320.200 đồng (*hai triệu, ba trăm hai mươi ngàn, hai trăm*) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên:

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) máy cưa băng xích (cưa lốc): màu trắng cam nhãn hiệu STIHL, loại MS 381, tình trạng hư hỏng, không sử dụng được; 01 (một) cái rửa cũ đã qua sử dụng dài 54cm, cán bằng gỗ, hình trụ tròn, đường kính 3cm, có gắn khuy sắt ở phần gắn với lưỡi rửa, cán dài 26cm, lưỡi bằng kim loại dài 28cm, rộng lưỡi 03 cm; 01 (một) cái rửa dài 56cm, cán bằng gỗ, hình trụ tròn, đường kính 3,5cm, có gắn 2 khuy sắt ở phần gắn với lưỡi rửa.

+ Giao 8,294m³ gỗ còn lại tại hiện trường cho BQL rừng phòng hộ huyện Bắc Trà My để xử lý theo quy định của pháp luật.

+ Truy thu: 5.000.000 đồng (*năm triệu*) đồng của bị cáo Trần Văn T; 5.000.000 đồng (*năm triệu*) đồng của bị cáo Đinh Tấn M; 5.000.000 đồng (*năm triệu*) đồng của bị cáo Trần Ngọc N; 5.000.000 đồng (*năm triệu*) đồng của bị cáo Trần Q để sung vào ngân sách nhà nước.

Về án phí hình sự sơ thẩm: áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Cơ quan CSĐT huyện Bắc Trà My;
- Chi cục THADS huyện Bắc Trà My;
- Nhà tạm giữ CA huyện Bắc Trà My;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Nam;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đại

- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.